TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV **CÔNG TY CỔ PHẦN** **THAN - ĐIỆN NÔNG SƠN - TKV** Số: 1813 /V.NSCP-KĐV V/v Khảo sát và báo giá vật tư thiết bị Hệ thống nước tuần hoàn hở NMNĐ Nông Sơn	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quảng Nam, ngày 18 tháng 6 năm 2024*

THƯ MỜI KHẢO SÁT BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn - TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới quý đơn vị.

Hiện tại, chúng tôi đang có nhu cầu Khảo sát và báo giá vật tư thiết bị Hệ thống nước tuần hoàn hở NMNĐ Nông Sơn.

Chúng tôi kính mời các nhà cung cấp (NCC) có quan tâm, tham gia khảo sát và báo giá vật tư, hàng hóa, với nội dung như sau:

1. Thông tin về vật tư, hàng hóa cần mua:

- Tên đơn hàng: Mua sắm vật tư thiết bị sửa chữa bảo dưỡng Hệ thống nước tuần hoàn hở NMNĐ Nông Sơn

- Chi tiết vật tư, hàng hóa: Bao gồm các nội dung tên vật tư, hàng hóa, thông số kỹ thuật quy cách vật tư, số lượng chi tiết như phục lục kèm theo.

- Yêu cầu về vật tư, hàng hóa:

+ Các vật tư, hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, đúng quy cách, danh điểm và thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; Hàng hóa được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa.

+ Nhà cung cấp đính kèm cùng báo giá các tài liệu kỹ thuật của hàng hóa như: Catalog của hàng hóa để chứng minh hàng hóa là đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của thư mời.

+ Khi chào vật tư, hàng hóa tương đương, NCC phải có tài liệu chứng minh của hãng sản xuất đảm bảo đáp ứng được chất lượng sản phẩm, tương thích với thiết bị hiện tại của nhà máy mà không ảnh hưởng đến chế độ vận hành của thiết bị (phải là tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất chứng minh cụ thể, rõ ràng tính tương đương với mặt hàng công ty yêu cầu).

2. Nội dung bản chào giá (BCG)

a. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực NCC

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) (Bản sao công chứng hoặc bản sao có đóng dấu đỏ của doanh nghiệp).

- Hợp đồng tương tự với phần công việc mời chào giá

- Trong quá trình chuẩn bị bản chào giá, Nhà cung cấp có quyền tham gia khảo sát kích thước, thông số kỹ thuật thiết bị thực tế của bên mời chào giá nhằm đảm bảo vật tư, hàng hóa cung cấp lắp đặt phù hợp và đồng bộ với thiết bị có sẵn của nhà máy.

b. Các yêu cầu về thương mại:

- Bản báo giá phải ghi rõ tên vật tư, hàng hóa, quy cách, mã hiệu, đơn vị tính, số lượng, đơn giá của từng vật tư, hàng hóa, tổng giá trị đơn hàng đã bao gồm chi phí khảo sát, chi phí vận chuyển, các loại thuế và chi phí khác.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho Vật tư Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV, địa chỉ: Thị trấn Trung Phước, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam

- Thời gian giao hàng: Nhà cung cấp đề xuất thời gian giao hàng.

- Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng đối với các vật tư chính.

- Hiệu lực của bản chào giá: ≥ 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.

- NCC có thể báo giá cho toàn bộ hoặc báo giá cho một phần vật tư, hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp tùy thuộc vào khả năng thực tế của mình.

4. Hình thức báo giá:

- Bản báo giá và biểu báo giá phải do đại điện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của NCC kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Bản báo giá và các tài liệu kèm theo phải được gửi trong phong bì dán kín, có niêm phong và gửi trực tiếp về địa chỉ:

+ Văn thư công ty hoặc Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV, địa chỉ: tổ dân phố Nông Sơn, thị trấn Trung Phước, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; Điện thoại: 02353. 656 900 *(Ghi chú: Hồ sơ chào giá nộp trực tiếp – người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và bản sao CMND hoặc CCCD còn giá trị)*

Hoặc Nhà cung cấp có thể gửi báo giá và tài liệu về địa chỉ email: ***Nongson@vinacominpower.vn* và *Email: phongkhnongson@gmail.com*** *(Ghi chú: Đối với các đơn vị gửi báo giá qua email vẫn phải hoàn thiện gửi bản báo giá gốc cho bên mời chào giá qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên)*

- Mọi thông tin trao đổi về phần kỹ thuật và tham gia khảo sát hàng hóa xin vui lòng liên hệ: Ông Bùi Quang Thắng – Phó phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư; số điện thoại: 0976.696.617.

2. Thời gian nhận bản báo giá: Bản báo giá và tài liệu kèm theo phải được gửi đến Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV không chậm hơn 09 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 06 năm 2024.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Nhà cung cấp!

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Giám đốc (b/c, e-copy);
- Email: truyenthongtkv@vinacomin.vn (để đăng tải);
- Email: quyennb@vinacominpower.vn (để đăng tải);
- Lưu VT, KĐV, Kha (3).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4000463735 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN THAN - ĐIỆN NÔNG SƠN TKV - H. NÔNG SƠN - T. QUẢNG NAM

Nguyễn Văn Thống

PHỤ LỤC YÊU CẦU CHI TIẾT VỀ CÁC VẬT TƯ, HÀNG HÓA

(Kèm theo văn bản số: 1813 /V.NSCP-KĐV ngày 18 tháng 6 năm 2024)

TT	Danh mục vật tư, hàng hóa	Danh mục hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc, Xuất xứ , (Hãng sản xuất/Nước sản xuất)
1	Bản mã cố định		Cái	24,00	
2	Lò xo		Cái	6,00	
3	Ống lồng ngoài lò xo		Cái	12,00	
4	Bu lông neo		Bộ	24,00	
5	Thăng giằng di động		Cái	3,00	
6	Móc nối 2 đầu thanh giằng di động		Cái	6,00	
7	Sika		kg	150,00	
8	Cánh bơm -	NSX: HUNNAN TIANNENG ELECTRICAL MOTOR MANUFACTURE CO.LTD Mã bơm: Y2 - 180M - 2 Lưu lượng 37.5m3/h Số vòng quay 1480v/p Vật liệu SUS304 Cánh bơm ly tâm - bản vẽ kèm theo Kích thước trục Kích thước buồng hút Kích thước buồng đẩy	Cái	2,00	
9	Sơn chống gỉ -	Durgo Epoxy, sơn 2 thành phần. Bộ 10kg	Bộ	8,00	
10	Sơn hoàn thiện -	Màu xanh da trời SK007 Epoxy, 2 thành phần, Bộ 20kg	Bộ	27,00	
11	Vành chèn -	MG-35	Bộ	2,00	
12	Vòng bi -	SKF 6311	Vòng	4,00	
13	Vòng bi -	SKF 7311	Vòng	4,00	
14	Siêu vành chèn cơ khí -	Đi kèm theo vành chèn M32N/5500R	Cái	2,00	
15	Vành chèn cơ khí -	M32N/5500R	Bộ	2,00	

TT	Danh mục vật tư, hàng hóa	Danh mục hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc, Xuất xứ , (Hãng sản xuất/Nước sản xuất)
16	Vòng bi -	SKF 6314	Vòng	4,00	
17	Phần thân bơm tuần hoàn hở -	NSX: SHANGHAI KAIQUAN PUMP(GROUP) CO.,LTD Model: 700HD-315 Lưu lượng: 3560 m3/h Cột áp: 31.5m Tốc độ: 960 v/p Khối lượng: 7350 kg Mã bản vẽ bơm: 700HD – 31.5SZ + bộ 3 bu lông chân đế bơm (Bạc chịu mài mòn cao Thordon GM2401)	Cái	2,00	
18	Sơn chống gỉ -	Durgo Epoxy, sơn 2 thành phần Bộ 30kg	Bộ	1,00	
19	Trục bơm -	Chi tiết 37, mã bản vẽ bơm 700HD-31.5SZ Φ110mm, L= 1525mm Vật liệu 2Cr13	Trục	1,00	
20	Trục bơm -	Chi tiết 26, mã bản vẽ bơm 700HD-31.5SZ Φ110mm, L= 2800mm Vật liệu 2Cr13	Trục	2,00	
21	Trục bơm -	Chi tiết 13, mã bản vẽ bơm 700HD-31.5SZ Φ115mm, L= 2905mm Vật liệu 2Cr13	Trục	1,00	
22	Chốt Lavet -	Chi tiết 23, mã bản vẽ bơm 700HD-31.5SZ 25x140 Vật liệu 1Cr17Ni2	Cái	7,00	
23	Chốt Lavet -	Chi tiết 48, mã bản vẽ bơm 700HD-31.5SZ 25x150 Vật liệu 1Cr17Ni2	Cái	1,00	
24	Chốt Lavet -	Chi tiết 52, mã bản vẽ bơm 700HD-31.5SZ	Cái	5,00	

TT	Danh mục vật tư, hàng hóa	Danh mục hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc, Xuất xứ , (Hãng sản xuất/Nước sản xuất)
		10x40 Vật liệu 1Cr17Ni2			
25	Khớp nối trục -	Chi tiết 25, mã bản vẽ bơm 700HD-31.5SZ Vật liệu 1Cr17Ni2 Bao gồm cả bu lông cố định	Bộ	3,00	
26	Cùm cố định trục -	Chi tiết 24, mã bản vẽ bơm 700HD-31.5SZ Vật liệu 2Cr13	Cái	3,00	
27	Bánh công tác -	Chi tiết 5, mã bản vẽ bơm 700HD-31.5SZ Vật liệu ZG1Cr18Ni9	Cái	1,00	
28	Vành chèn bánh công tác -	Chi tiết 4, mã bản vẽ bơm 700HD-31.5SZ Vật liệu ZG1Cr18Ni9	Cái	1,00	
29	Bánh đỡ dẫn hướng số 1 -	Chi tiết 20, mã bản vẽ bơm 700HD-31.5SZ Vật liệu Q235-A	Cái	1,00	
30	Bánh đỡ dẫn hướng số 2 -	Chi tiết 30, mã bản vẽ bơm 700HD-31.5SZ Vật liệu Q235-A	Cái	1,00	
31	Bánh đỡ dẫn hướng số 3 -	Chi tiết 32, mã bản vẽ bơm 700HD-31.5SZ Vật liệu Q235-A	Cái	1,00	
32	Gu zông -	Kích thước 16x70, SUS304, 01 long đền vênh, 02 long đền phẳng, 2 ecu, Bước ren L1=20mm L2 = 40mm Phần không chạy ren 10mm	Bộ	25,00	
33	Gu zông -	Kích thước 16x90, SUS304, 01 long đền vênh, 02 long đền phẳng, 2 ecu, Bước ren L1=20mm L2 = 40mm Phần không chạy ren 30mm	Bộ	25,00	
34	Bulong -	M24x80, SUS304, 01 long đền vênh, 02 long đền phẳng, 01 ecu	Bộ	3,00	

TT	Danh mục vật tư, hàng hóa	Danh mục hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc, Xuất xứ , (Hãng sản xuất/Nước sản xuất)
35	Bulong -	M24x90, SUS304, DIN933, 01 long đền vênh, 02 lông đền phẳng, 01 ecu	Bộ	20,00	
36	Bulong lục giác -	M16x45, SUS304	Bộ	40,00	
37	Bulong lục giác -	M12x35, SUS304	Bộ	10,00	
38	Bulong -	M10x30, bu lông đen 8.8, 01 long đền vênh, 01 long đền phẳng, 01 ecu	Bộ	50,00	
39	Bulong -	M24x100, bu lông đen 8.8 01 long đền vênh, 2 long đền phẳng, 01 ecu.	Bộ	120,00	
40	Tết mỡ -	22x22mm	m	3,00	
41	Gioăng cao su -	1000x1000, dày 5mm	Tấm	1,00	
42	Gioăng chỉ -	Φ7,5mm	m	24,00	
43	Gioăng chỉ -	Φ6mm	m	3,00	
44	Amiang -	Dày 3mm	m2	3,00	
45	Ty ren suốt -	L=300mm, M30, 8.8, bu lông đen 8.8, 01 long đền vênh, 02 long đền phẳng, 02 ecu	Bộ	3,00	
46	Bulong -	M27x90, bu lông đen 8.8 01 long đền vênh, 2 long đền phẳng, 02 ecu	Bộ	20,00	
47	Bạc trục 2 -	T/H1202-125 - Đường kính trục 125mm - Đường kính lớp bạc 150/125mm - Vật liệu gia công bạc: Thordon GM2401 - Vật liệu gia công phần vỏ: HT250-Ni2 - Chiều dài L=175mm	Cái	3,00	

TT	Danh mục vật tư, hàng hóa	Danh mục hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc, Xuất xứ , (Hãng sản xuất/Nước sản xuất)
48	Bạc trục 1 -	T/H1201-125 - Đường kính trục 125mm - Đường kính lớp bạc 150/125mm - Vật liệu gia công bạc: Thordon GM2401 - Vật liệu gia công phần vỏ: HT250-Ni2 - Chiều dài L=250mm	Cái	1,00	
49	Áo trục -	700HD-31.5SZ-06 - Đường kính trục 106mm - Đường kính ngoài 125mm - Vật liệu gia công: 1Cr17Ni2 - Chiều dài L=280mm Cái	Cái	1,00	
50	Áo trục -	T/H1103-125 - Đường kính trục 106mm - Đường kính ngoài 125 - Vật liệu gia công: 1Cr17Ni2 - Chiều dài L=180mm	Cái	4,00	
51	Bulong -	M16X55 (Độ dài tán côn 7.5mm, độ dài chân ren 55mm, 2ecu+1 long đền vênh + 1 long đền phẳng) vật liệu SUS 304 Bản vẽ kèm theo	Bộ	600,00	
52	Thanh dẫn hướng loại 1 -	Rộng 81, dài 710, lỗ Ø35 (có bản vẽ kèm theo)	Cái	252,00	
53	Thanh dẫn hướng loại 2 -	Rộng 81, dài 710, lỗ 49 cung 54 (có bản vẽ kèm theo)	Cái	252,00	
54	Long đền hình chữ nhật lỗ tròn -	D33x52x23, lỗ tròn Ø7, dày 3mm, vật liệu SUS 304	Cái	504,00	
55	Long đền -	phi 27, dài 22mm, dày 3mm, vật liệu SUS 304	Cái	510,00	

TT	Danh mục vật tư, hàng hóa	Danh mục hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc, Xuất xứ , (Hãng sản xuất/Nước sản xuất)
56	Long đền -	phi 27, dài 12mm, dày 3mm, vật liệu SUS 304	Cái	510,00	
57	Long đền -	phi 27, dài 27mm, dày 3mm, vật liệu SUS 304	Cái	360,00	
58	Long đền -	phi 27, dài 17mm, dày 3mm, vật liệu SUS 304	Cái	360,00	
59	Tấm lưới lọc rác -	Thép mạ kẽm 1650x580, lưới vật liệu SUS 304 (kèm bản vẽ)	Tấm	90,00	
60	Tấm su (đi kèm tấm lưới lọc rác) -	1650x70, dày 5mm	Tấm	90,00	
61	Long đền vuông lỗ tròn -	D43xD43, lỗ tròn Ø17, dày 5mm, vật liệu SUS 304	Cái	3.060,00	
62	Đầu nối măng xông ống liên lạc -	Ø27, SUS 304	Cái	60,00	
63	Con lăn đỡ lưới -	Ø120x Ø100x Ø56	Cái	504,00	
64	Thép tấm -	Thép tấm mạ kẽm,Thép dày 2mm	m2	36,00	
65	Mica -	Loại trong suốt, 3mm	m2	4,50	
66	Bulong -	M16X60 (Độ dài tán côn 7.5mm, độ dài chân ren 60mm, 2ecu+1 long đền vênh + 1 long đền phẳng) vật liệu SUS 304 Bản vẽ kèm theo	Bộ	600,00	
67	Bulong -	M6x10, Sus304	Bộ	450,00	
68	Xích lai -	100/2RxL=6m	Sợi	3,00	
69	Sơn hoàn thiện -	Màu xanh da trời SK007 Epoxy, 2 thành phần Bộ 20kg	Bộ	3,00	
70	Thép V50 -	V50x50x5mm, mạ kẽm	m	90,00	
71	Trục ắc xích -	Thép SUS 304 trục 35x110, ắc 35x54x73 (kèm bản vẽ)	Cái	150,00	
72	Vòng bi -	SKF 6308 RZ	Vòng	6,00	
73	Vòng bi -	SKF 22232 CAZMZ	Vòng	6,00	

TT	Danh mục vật tư, hàng hóa	Danh mục hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc, Xuất xứ , (Hãng sản xuất/Nước sản xuất)
74	Vòi phun -	Gai ngoài Ø27 (bản vẽ kèm theo)	Cái	60,00	
75	Vòng bi	6014	Vòng	2,00	
76	Vòng bi	30207	Vòng	2,00	
77	Vòng bi	6206	Vòng	1,00	
78	Vòng bi	32006	Vòng	1,00	
79	Vòng bi	30205	Vòng	1,00	
80	Phớt	70x100x10	Cái	3,00	
81	Phớt	SKF 60x85x10	Cái	2,00	
82	Phớt	DKD TC 70x100x10	Cái	1,00	
83	Phớt	TC 70x100x10	Cái	1,00	
84	Phớt	TC 75x100x10	Cái	1,00	
85	Vòng bi	SKF 30313	Vòng	2,00	
86	Vòng bi	SKF 30312	Vòng	2,00	
87	Van tay	DN50, PN1.0, WCB	Cái	1,00	
88	Van tay	DN65, PN1.6, HT200,Z41H-16C	Cái	1,00	
89	Vòng bi -	SKF 6224 2Z	Vòng	3,00	
90	Dầu bôi trơn -	VG46	lít	60,00	
91	Vòng bi -	SKF 6228 2Z	Vòng	3,00	
92	Vòng bi -	SKF 29428 M	Vòng	3,00	
93	Siêu tròn-	Cao su đen NR Φ6mm	m	9,00	
94	Cảm biến đo nhiệt độ cuộn dây -	WZP2M-201 M8×0.75	cái	6,00	
95	Thiết bị đo mức -	Hydrostatic level measurement deltapilot FMB51	cái	6,00	
96	Thiết bị đo lưu lượng -	PROSONIC FLOW 91W	cái	1,00	

TT	Danh mục vật tư, hàng hóa	Danh mục hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc, Xuất xứ , (Hãng sản xuất/Nước sản xuất)
		Sensor type W-CL-1F-L-C			
97	Thiết bị đo độ rung -	CZJ-B4G 0-200um SZ-6	bộ	3,00	
98	Mặt bích -	DN150, PN1.6	cái	4,00	
99	Gioăng chì -	DN150, 1 lớp, h=5mm	cái	4,00	
100	Gioăng chì -	DN100, 1 lớp, h=5mm	cái	6,00	
101	Van điện -	Butterfly valve and motorized DN100 type 5639 Material Body: cast iron EN-GJL-200 + Epoxy Material Disc: Stainless Steel CF8M Material Seat: EPDM Connection: Wafer PN16 Operation: Electric actuator GE-1 + Supply: 230 VAC/50Hz + Protection: IP67 + Manual handle + Limit Switch: 4 SPDT + Max.Temp: 70 deg.C - Digital positioner + Input/output: 4 - 20 mA NSX: Genebre – Tây Ban nha	cái	3,00	
102	Van điện -	Gate valve - model 111D125C66, DN 150 Pressure 16 bar – type C Material: ductile cast iron -JS1050 Connection: flange PN16 Max: 70degC Liner: EPDM Bracket. Drilling acc. ISO 5210 F10 Bolt EN ISO 4762: 2szt. M12x16 8.8	cái	2,00	

TT	Danh mục vật tư, hàng hóa	Danh mục hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc, Xuất xứ , (Hãng sản xuất/Nước sản xuất)
		Pillow ISO 7094: M8 Operating torque: 55 Nm Number of turns to complete closure: 25 Actuator type: Auma triphase on-off 380V PN16 Code: SA 07.6 NSX: Zetkama – Ba Lan			
103	Mặt bích -	DN800, tiêu chuẩn JIS 10K PLRF hoặc tiêu chuẩn theo van bướm điện DN800	Cái	4,00	
104	Gioăng chì -	DN800, 1 lớp, h=5mm	Cái	4,00	
105	Bulong -	Bu lông đen 8.8, 1 ecu, 2 long đền, M32, độ dài bu lông theo độ dày ghép nối mặt bích DN800 với van bướm điện DN800 ở trên	kg	120,00	
106	Su làm kín cánh van -	Cao su đen NR KT Φ773/Φ693, dày 15mm cung bo tròn 2 đỉnh 4mm Bản vẽ kèm theo	Cái	2,00	
107	Gioăng chì -	DN800, 1 lớp, h=5mm	Cái	4,00	
108	Gioăng chì 1 lớp -	DN900, dày 5mm	Cái	6,00	
109	Phớt -	26x27x10	Cái	10,00	
110	Bu lông -	M12x40, 1 ecu + 2 long đền phẳng, sus 304	Bộ	30,00	
111	Sơn chống gỉ -	Durgo Epoxy, sơn 2 thành phần, Bộ 30kg	bộ	1,00	
112	Vòng bi -	6203 2Z	Vòng	10,00	
113	Vòng bi -	6005 2Z	Vòng	10,00	
114	Van bướm điện -	Butterfly valve type BBNV(w) (Series 13) Design standard: EN 593 Hydraulic test: EN 12266 / ISO 5208 Rate A	Cái	2,00	

TT	Danh mục vật tư, hàng hóa	Danh mục hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc, Xuất xứ , (Hãng sản xuất/Nước sản xuất)
		Body: Flanged type made in cast iron GGG-40 + Epoxy (120 microns) Disc: Stainless steel CF8M Shafts: Stainless steel AISI 420 Seat: EPDM Vucalnized Max working pressure: 10 bar Size: DN800 NSX: Sigeval –Tây Ban Nha Motor 3 phase 380 – 400 V type AS1000 Max. torque: 10000 Nm (PN16) Thermal protection Class F insulated Self lock gear Watertight body to IP67 Stop in open position on travel limit switch. Option: Position transmitter TAM 4-20 mA NSX: Sigeval – Tây Ban Nha			
115	Bu lông -	M30x100, 1 long đền vênh, 1 long đền thẳng, 8.8	Bộ	20,00	
116	Ống thép -	D920x12mm, L=1m	Ống	1,00	
117	Ống thép -	C45, 820x12mm	m	0,50	
118	Sơn lót -	Nishu Epoxy ES	lít	20,34	
119	Sơn phủ -	Nishu PU, Màu ghi	lít	37,80	